

CÚNG – CÚNG CƠM – MÂM CƠM – LỄ VẬT

Vì sao dâng phẩm vật tưởng nhớ tổ tiên không đồng nghĩa với thờ phượng tổ tiên?

Michel Nguyễn Hạnh

Phó Trưởng Ban Từ Vực Hán Nôm Công Giáo

Phân ban thuộc Ủy ban Giáo Lý Đức Tin –

Thành viên Ủy ban Văn hóa

Trong đời sống văn hóa Việt Nam, khi nói đến việc tưởng nhớ ông bà, cha mẹ đã qua đời, người ta thường sử dụng những cách diễn đạt rất quen thuộc như *cúng tổ tiên*, *cúng cơm*, *dâng mâm cơm*, *sửa soạn lễ vật*. Những cách nói ấy đã đi vào nếp sống gia đình từ nhiều thế hệ, gắn liền với tang lễ, giỗ chạp và những dịp con cháu sum họp để tưởng nhớ người đã khuất. Đối với nhiều gia đình, việc chuẩn bị một mâm cơm trong ngày giỗ không chỉ là một nghi thức truyền thống mà còn là cách bày tỏ lòng biết ơn đối với những người đã sinh thành, dưỡng dục và để lại cho con cháu một gia sản tinh thần quý báu.

Thế nhưng, khi đặt trong bối cảnh đức tin Công giáo, những từ ngữ ấy đôi khi làm nảy sinh những thắc mắc: *Cúng có phải là thờ phượng không? Cúng cơm có phải là đem thức ăn cho người chết dùng không? Mâm cơm đặt trước bàn thờ tổ tiên mang ý nghĩa gì? Và lễ vật dâng kính tổ tiên có giống với lễ vật dâng lên Thiên Chúa hay không?* Những câu hỏi này không chỉ liên quan đến phong tục mà còn đụng chạm đến ngôn ngữ, lịch sử văn hóa và thần học, bởi một từ ngữ có thể mang nhiều lớp nghĩa tùy theo hoàn cảnh sử dụng, còn một hành vi có hình thức giống nhau chưa chắc đã mang cùng một nội dung tín ngưỡng.

Vấn đề càng trở nên đáng chú ý khi trong một số nghi thức kính nhớ tổ tiên được tổ chức tại một vài nhà thờ vào ngày mừng Hai Tết, cộng đoàn dâng bánh chưng, hoa trái trước bàn thờ tổ tiên, rồi kết thúc bài văn khấn bằng lời: *"Xin tổ tiên thượng hưởng!"* Hai chữ *thượng hưởng* (尚享) nghĩa là "mong về mà nhận lấy", vốn là một công thức quen thuộc

trong văn tế cổ truyền, nhưng khi được đưa vào một nghi thức Công giáo, chúng đặt ra câu hỏi về tín lý của việc dâng lễ vật và mối liên hệ giữa người sống với người đã qua đời.

Nếu chỉ nhìn thấy một mâm cơm đặt trước bàn thờ rồi kết luận rằng người thực hiện đang nuôi dưỡng linh hồn người chết, hoặc chỉ nghe chữ *cúng* mà cho rằng đó là hành vi thờ phượng thần linh, thì cách hiểu ấy chưa xét đến toàn bộ ý nghĩa của phong tục. Ngược lại, nếu chỉ nhấn mạnh đến ý nghĩa tưởng niệm mà bỏ qua những quan niệm tín ngưỡng từng gắn với việc cúng cơm, dâng lễ vật, thì việc giải thích cũng chưa phản ánh đầy đủ thực tế lịch sử và văn hóa.

Cũng như chữ *thờ* trong tiếng Việt không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với thờ phượng, chữ *cúng* không nhất thiết chỉ một hành vi thờ phượng mang tính thần linh. Muốn hiểu đúng, cần trở lại với nguồn gốc và ý nghĩa của từ ngữ, phân biệt những yếu tố thuộc truyền thống đạo hiểu với những quan niệm tín ngưỡng dân gian, đồng thời đối chiếu với giáo huấn của Hội Thánh để nhận ra cách người Công giáo có thể tiếp nhận những thực hành ấy trong ánh sáng đức tin.

1. CÚNG LÀ GÌ?

1.1. Từ chữ CUNG (供) đến chữ CÚNG trong tiếng Việt

Khi khảo cứu chữ *cúng*, trước hết cần chú ý đến chữ Hán 供, có âm Hán Việt thông dụng là *cung*, mang những nghĩa như cung cấp, dâng hiến, cung phụng và phụng sự. Chữ này xuất hiện trong nhiều từ Hán Việt quen thuộc như *cung cấp* (供給), *cung ứng* (供應), *cung phụng* (供奉) và *cung dưỡng* (供養). Những cách kết hợp ấy cho thấy trường nghĩa căn bản của chữ 供 liên quan đến việc chuẩn bị, cung ứng hoặc dâng những thứ cần thiết cho một đối tượng nào đó, và trong một số hoàn cảnh, hành vi ấy còn mang ý nghĩa kính trọng.

Về cấu tạo, chữ 供 thuộc loại chữ hình thanh (形聲), gồm bộ *nhân đứng* (亻) và chữ *cộng* (共). Bộ *nhân đứng* là thành phần biểu ý, gợi đến hành động của con người, còn chữ 共 giữ vai trò biểu âm. Tuy nhiên, nếu xét sâu hơn về lịch sử văn tự, chữ 共 còn có mối liên hệ với hình ảnh hai

bàn tay nâng hoặc dâng một vật. Tầng nghĩa này đáng chú ý vì nó gọi đến hành vi trao, dâng hoặc trình một vật trước người khác, từ đó có thể liên hệ với ý niệm cung kính và dâng hiến.

Chính vì vậy, ngoài cách phân tích chữ *cung* 供 theo cấu tạo hình thanh thông thường, có thể nhận thấy thành tố *cộng* 共 còn có khả năng gọi nghĩa. Trong văn tự học, hiện tượng một thành phần vừa biểu âm vừa có liên hệ với ý nghĩa của toàn chữ thường được giải thích theo hướng thanh phù kiêm biểu ý. Tuy nhiên, đây là một cách nhận xét về sự tương ứng ngữ nghĩa giữa các thành phần, chứ chưa đủ căn cứ để khẳng định chữ 供 được tạo thành theo phép hội ý kiêm hình thanh. Sự phân biệt ấy cần thiết để tránh biến một cách chiết tự có giá trị gọi mở thành một kết luận chắc chắn về nguồn gốc văn tự.

Nếu nhìn theo hướng này, chữ 供 không chỉ gọi đến việc cung ứng một vật gì đó, mà trong những ngữ cảnh nhất định còn gọi đến thái độ của người dâng đối với người nhận. Một phẩm vật được trao đi có thể chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, nhưng cũng có thể trở thành phương tiện biểu lộ lòng kính trọng, sự biết ơn hoặc tình cảm. Chính sự phát triển ý nghĩa ấy giúp chúng ta hiểu vì sao những hành vi dâng phẩm vật trong đời sống văn hóa có thể mang nội dung khác nhau, từ việc phụng dưỡng cha mẹ, dâng lễ vật trong nghi thức xã hội đến việc dâng cúng trong các truyền thống tín ngưỡng.

Tuy nhiên, cần phân biệt âm Hán Việt *cung* với từ *cúng* trong tiếng Việt. Hai từ có sự gần gũi về âm thanh và ý nghĩa, nhưng không nên chỉ dựa vào sự gần gũi ấy để khẳng định cúng chính là âm Hán Việt của *cung* 供. Muốn xác định quan hệ từ nguyên trực tiếp giữa hai từ, cần đối chiếu thêm các tài liệu ngữ âm lịch sử và từ điển cổ. Trong phạm vi bài viết này, chữ 供 được sử dụng để soi sáng trường nghĩa cung ứng, dâng hiến và cung phụng, chứ không được xem là bằng chứng duy nhất về nguồn gốc của từ *cúng*.

1.2. Chữ CÚNG trong đời sống văn hóa Việt Nam

Trong tiếng Việt, *cúng* là động từ thường chỉ việc dâng hoặc bày những

phẩm vật trong một nghi thức nhằm biểu lộ lòng thành, sự tưởng nhớ, kính trọng hoặc cầu xin. Tùy theo đối tượng và hoàn cảnh, việc cúng có thể mang ý nghĩa thờ phụng thần linh, tưởng niệm tổ tiên hoặc thực hiện một phong tục truyền thống.

Người Việt nói *cúng trời, cúng thần, cúng Phật, cúng tổ tiên, cúng giỗ, cúng cô hồn*. Tuy cùng sử dụng động từ cúng, nhưng cách diễn đạt ấy không nhất thiết chỉ những hành vi có cùng nội dung tín ngưỡng. *Cúng thần linh* có thể gắn với việc cầu xin sự phù hộ; *cúng tổ tiên* thường gắn với đạo hiếu và lòng tưởng nhớ người đã khuất; còn *cúng giỗ* là một thực hành được tổ chức vào ngày mất của người thân. Trong những hoàn cảnh khác, chữ *cúng* còn được dùng với nghĩa đóng góp hoặc hiến tặng, chẳng hạn *cúng chùa, cúng tiền* xây chùa, cho thấy phạm vi nghĩa của từ này rộng hơn một hành vi tế lễ đơn thuần.

Điểm đáng chú ý là chữ *cúng* trước hết diễn tả một hành vi, còn nội dung tín ngưỡng của hành vi ấy phải được xác định theo đối tượng, ý hướng và hoàn cảnh thực hiện. Một người con chuẩn bị hoa trái để tưởng nhớ cha mẹ đã qua đời không nhất thiết đang thực hiện cùng một hành vi tôn giáo với người dâng phẩm vật để cầu xin một vị thần ban phúc. Hình thức dâng phẩm vật có thể tương tự, nhưng ý nghĩa không hoàn toàn giống nhau.

1.3. Cúng tổ tiên có đồng nghĩa với thờ phụng tổ tiên không?

Trong truyền thống Việt Nam, việc *cúng tổ tiên* thường được hiểu là bày tỏ lòng hiếu kính đối với ông bà, cha mẹ và những người thuộc các thế hệ trước đã qua đời. Con cháu chuẩn bị hương, hoa, đèn nến, thức ăn hoặc những phẩm vật khác, đặt tại nơi tưởng niệm và thực hiện những cử chỉ cung kính. Qua đó, người sống biểu lộ lòng biết ơn, duy trì kỷ ước gia đình và nhắc nhở nhau về bốn phận đối với nguồn cội.

Trong truyền thống Nho gia, việc tế tự tổ tiên còn được nhìn nhận như một phương diện của đạo hiếu. Sách *Hiếu kinh* (孝經), thiên *Kỷ hiếu hành* (紀孝行章第十), viết: “孝子之事親也，居則致其敬，養則致其樂，病則致其憂，喪則致其哀，祭則致其嚴” (*Hiếu tử chi sự thân dã*,

cư tắc trí kỳ kính, dưỡng tắc trí kỳ lạc, bệnh tắc trí kỳ ưu, tang tắc trí kỳ ai, tế tắc trí kỳ nghiêm), nghĩa là: Người con có hiếu khi phụng sự cha mẹ, lúc thường ngày thì hết lòng kính trọng, khi phụng dưỡng thì hết lòng làm cho cha mẹ vui, khi cha mẹ đau yếu thì hết lòng lo lắng, khi cha mẹ qua đời thì hết lòng thương tiếc, còn khi tế tự thì hết lòng trang nghiêm.

Đáng chú ý, *Hiếu kinh* đặt việc tế tự – tế (祭) trong cùng một mạch đạo lý với những bốn phận của người con đối với cha mẹ khi còn sống. Năm phương diện kính trọng, phụng dưỡng, lo lắng, thương tiếc và tế tự không được trình bày như những hành vi tách biệt, nhưng liên kết với nhau trong việc thực hành đạo hiếu. Đặc biệt, câu “祭則致其嚴” (*tế tắc trí kỳ nghiêm*), nghĩa là “khi tế tự thì hết lòng trang nghiêm”, nhấn mạnh thái độ cung kính của người thực hiện nghi lễ. Tuy nhiên, đây là lời dạy về cách thực hành đạo hiếu trong truyền thống Nho gia, chứ không phải một định nghĩa nhằm phân biệt việc tôn kính tổ tiên với hành vi thờ phượng theo thần học Công giáo. Sự phân biệt ấy vẫn cần được xác định dựa trên đối tượng, ý hướng và nội dung tín ngưỡng của nghi thức.

Tuy nhiên, trong một số hệ thống tín ngưỡng dân gian, việc cúng còn gắn với quan niệm rằng người đã khuất có thể tiếp nhận phẩm vật, hưởng sự dâng cúng hoặc tác động đến vận mệnh của con cháu. Những quan niệm ấy thuộc phạm vi niềm tin tôn giáo, không thể đồng nhất hoàn toàn với ý nghĩa tưởng niệm và đạo hiếu.

Đối với người Công giáo, sự phân biệt căn bản nằm ở đối tượng và bản chất của hành vi. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* xác định rằng việc thờ phượng chỉ dành riêng cho Thiên Chúa, đồng thời cảnh giác con người không được thần thánh hóa bất cứ thụ tạo nào, kể cả tổ tiên, để đặt họ vào vị trí của Thiên Chúa (x. GLHTCG, số 2112–2114). Tuy nhiên, sự tôn thờ dành riêng cho Thiên Chúa không loại trừ bốn phận kính trọng và biết ơn những người đã sinh thành, dưỡng dục mình. Trái lại, khi giải thích điều răn thứ tư, *Sách Giáo lý* còn minh nhiên nhấn mạnh

rằng điều răn này đòi hỏi con người phải có lòng kính trọng, yêu mến và biết ơn đối với những người cao niên và tổ tiên (x. GLHTCG, số 2199).

Sự phân biệt ấy còn được soi sáng qua giáo huấn về việc tôn kính ảnh tượng. Sách Giáo lý giải thích rằng lòng tôn kính dành cho ảnh thánh không phải là sự thờ phượng vốn chỉ dành cho Thiên Chúa (x. GLHTCG, số 2132). Dù việc tôn kính ảnh thánh thuộc một phạm vi thần học khác với việc tưởng nhớ tổ tiên, nguyên tắc phân biệt giữa tôn kính và thờ phượng vẫn giúp chúng ta hiểu rằng không phải mọi cử chỉ cung kính trước một hình ảnh đều là hành vi tôn thờ đối tượng được biểu thị.

Vì vậy, nếu chữ *cúng tổ tiên* được sử dụng theo nghĩa văn hóa là dâng những phẩm vật tượng trưng để bày tỏ lòng tưởng nhớ và hiếu kính, thì không thể chỉ căn cứ vào cách gọi ấy mà kết luận đó là hành vi thờ phượng tổ tiên. Ngược lại, nếu việc cúng được thực hiện với niềm tin rằng tổ tiên là những thần linh có quyền năng độc lập để ban phúc, giáng họa, thì nội dung tín ngưỡng ấy cần được phân biệt với giáo lý Công giáo. Điều quyết định không phải chỉ là có đặt phẩm vật trước bàn thờ hay không, mà còn là người thực hiện hiếu hành vi ấy như thế nào, lời khẩn diễn tả điều gì và toàn bộ nghi thức hướng đến mục đích nào.

Như vậy, **cúng tổ tiên không mặc nhiên đồng nghĩa với thờ phượng tổ tiên**, cũng như việc dâng phẩm vật để tỏ lòng kính trọng không nhất thiết là một hành vi phụng tự. Sự phân biệt này không nhằm phủ nhận những chiều kích tín ngưỡng từng hiện diện trong phong tục cổ truyền, nhưng giúp nhận ra rằng cùng một hình thức văn hóa có thể được thực hiện với những ý nghĩa khác nhau.

2. CÚNG CƠM LÀ GÌ?

2.1. Nghĩa của cách nói cúng cơm

Cúng cơm là cách nói dân gian chỉ việc chuẩn bị cơm và thức ăn, đặt trước nơi thờ kính hoặc tưởng niệm người đã khuất, kèm theo những nghi thức nhất định. Trong phong tục Việt Nam, việc *cúng cơm* thường xuất hiện trong thời gian tang lễ, những ngày đầu sau khi người thân qua đời và trong các dịp giỗ chạp. Chữ *cơm* ở đây có thể hiểu theo nghĩa

hẹp là cơm nấu từ gạo, nhưng cũng có thể hiểu theo nghĩa rộng là một bữa ăn với các món ăn đi kèm. Vì vậy, *cúng cơm* không nhất thiết chỉ có một chén cơm mà có thể bao gồm cả một mâm thức ăn được chuẩn bị theo tập quán gia đình.

Trong tang lễ truyền thống, một số gia đình duy trì việc cúng cơm hằng ngày trong một thời gian nhất định sau khi người thân qua đời. Tập tục này gắn với quan niệm rằng người chết tuy đã rời khỏi cuộc sống trần thế nhưng vẫn còn mối liên hệ với gia đình. Bữa cơm được chuẩn bị như một cách tiếp tục chăm sóc và tưởng nhớ người thân. Tuy nhiên, cần phân biệt giữa hình thức phong tục và quan niệm tín ngưỡng nằm phía sau hình thức ấy, bởi không phải mọi gia đình thực hành việc cúng cơm đều có cùng một cách hiểu về sự hiện diện của người đã khuất.

2.2. Cúng cơm có phải là cho người chết ăn không?

Theo một số quan niệm tín ngưỡng dân gian, việc *cúng cơm* có liên hệ với niềm tin rằng linh hồn người đã khuất có thể trở về thụ hưởng thức ăn do con cháu dâng cúng. Từ đó hình thành những cách nói như *mời ông bà về ăn cơm, dâng cơm cho người mất, cúng cơm cho hương linh*. Những cách diễn đạt ấy phản ánh một lớp quan niệm truyền thống về mối liên hệ giữa người sống và người chết, trong đó đời sống bên kia đôi khi được hình dung theo những nhu cầu và sinh hoạt của đời sống trần thế.

Tuy nhiên, trong ngôn ngữ văn hóa, những cách nói ấy cũng có thể mang ý nghĩa tượng trưng. Khi một gia đình chuẩn bị món ăn mà người quá cố từng yêu thích, đặt thêm một bộ chén đĩa hoặc dành một vị trí trang trọng để tưởng nhớ người ấy, hành vi đó có thể diễn tả tình cảm gia đình mà không nhất thiết hàm ý người chết còn nhu cầu ăn uống như người đang sống.

Chẳng hạn, một người con chuẩn bị bát cơm và món ăn quen thuộc của mẹ trong ngày giỗ. Đối với người con ấy, bữa cơm có thể là cách gọi lại hình ảnh người mẹ từng ngồi bên mâm cơm gia đình, từng chăm sóc con cái qua những bữa ăn hằng ngày. Ý nghĩa tưởng niệm của hành vi

không nằm ở giá trị vật chất của thức ăn mà ở tình cảm được gửi gắm qua việc chuẩn bị. Bữa cơm trở thành một dấu chỉ của kỷ ức, một cách để người sống tiếp tục bày tỏ lòng biết ơn đối với người đã khuất.

Dẫu vậy, cũng không nên vì muốn giải thích phong tục theo hướng biểu tượng mà phủ nhận rằng trong lịch sử, việc cúng cơm thực sự đã gắn với những niềm tin về sự thụ hưởng của người chết. Khảo cứu văn hóa cần nhìn nhận cả hai bình diện: quan niệm tín ngưỡng truyền thống và ý nghĩa tưởng niệm mà một thực hành có thể mang trong đời sống hiện nay.

Ý nghĩa tưởng nhớ ấy có thể được soi sáng thêm qua lời dạy của *Hiếu kinh*, thiên *Tang thân* (喪親): “春秋祭祀，以時思之” (*Xuân thu tế tự, dĩ thời tư chi*), nghĩa là: Mùa xuân, mùa thu thực hiện việc tế tự, theo thời tiết mà tưởng nhớ người đã khuất. Trong câu này, chữ *tư* (思) có nghĩa là nhớ, nghĩ đến, tưởng nhớ. Việc tế tự được đặt trong mối liên hệ với sự tưởng nhớ theo những thời điểm nhất định, cho thấy nghi lễ dành cho người đã qua đời cũng là một phương thức duy trì lòng hiếu kính của con cháu đối với cha mẹ.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng *Hiếu kinh* nói đến việc tế tự và tưởng nhớ, chứ không trực tiếp giải thích phong tục cúng cơm của người Việt, cũng không xác định rằng phẩm vật trong nghi lễ chỉ mang ý nghĩa tượng trưng. Vì vậy, có thể sử dụng lời dạy này để làm sáng tỏ chiều kích tưởng niệm của đạo hiếu, nhưng không nên xem đó là bằng chứng phủ nhận mọi quan niệm truyền thống về sự thụ hưởng lễ vật của người đã khuất.

2.3. Người Công giáo hiểu việc cúng cơm như thế nào?

Đối với người Công giáo, người đã qua đời không còn cần thức ăn vật chất để duy trì sự sống như khi còn ở trần gian. Vì vậy, việc chuẩn bị cơm và thức ăn để tưởng nhớ người quá cố không được hiểu là cung cấp lương thực cho linh hồn. Những gì người sống có thể làm cho người đã khuất, theo đức tin Công giáo, trước hết là cầu nguyện, xin dâng Thánh lễ, thực hiện những việc bác ái và phò thác người quá cố cho

lòng thương xót của Thiên Chúa.

Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo dạy rằng ngay từ thời kỳ đầu, Hội Thánh đã kính nhớ những người qua đời và dâng lời cầu nguyện cho họ, đặc biệt là hy tế Thánh Thể, để họ được thanh luyện và đạt tới hạnh phúc hưởng kiến Thiên Chúa (x. GLHTCG, số 1032). Đồng thời, trong giáo huấn về mầu nhiệm các thánh thông công, Hội Thánh xác nhận rằng việc cầu nguyện cho người đã qua đời không những có thể giúp ích cho họ mà còn làm cho lời chuyển cầu của họ dành cho chúng ta trở nên hữu hiệu (x. GLHTCG, số 958).

Tinh thần ấy cũng được thể hiện trong *Bộ Giáo luật 1983*. Điều 1176 §2 xác định rằng qua nghi lễ an táng, Hội Thánh cầu xin sự trợ giúp thiêng liêng cho người đã qua đời, tôn trọng thân xác họ và đồng thời mang lại cho người còn sống niềm an ủi của đức cậy. Như vậy, trong quan niệm Công giáo, mối liên hệ giữa người sống và người chết không được duy trì bằng việc cung cấp thức ăn vật chất, nhưng bằng tình yêu thương, lời cầu nguyện và niềm hy vọng vào sự sống đời sau.

Trong những gia đình Công giáo, nhất là gia đình có người thân thuộc các tôn giáo khác nhau, việc chuẩn bị mâm cơm trong ngày giỗ có thể mang ý nghĩa hiếu kính, tưởng niệm và gìn giữ sự hiệp thông gia đình. Người Công giáo có thể cùng thân nhân soạn bữa ăn, tưởng nhớ người đã khuất, cầu nguyện cho họ và chia sẻ bữa cơm với những người còn sống. Khi ấy, mâm cơm không được hiểu là phương tiện nuôi dưỡng linh hồn, nhưng là dấu chỉ văn hóa của tình yêu thương và lòng biết ơn đối với người quá cố.

3. MÂM CƠM LÀ GÌ?

3.1. Từ bữa ăn gia đình đến mâm cơm tưởng niệm

Mâm cơm là một cách gọi quen thuộc trong đời sống người Việt, chỉ mâm bày cơm và các món ăn của một bữa ăn. Theo nghĩa thông thường, mâm cơm thuộc phạm vi sinh hoạt gia đình, không nhất thiết mang ý nghĩa tín ngưỡng. Người Việt nói *dọn mâm cơm*, *ăn chung mâm cơm*, *mâm cơm ngày Tết*, *mâm cơm ngày giỗ*. Trong những cách nói ấy, mâm

cơm không chỉ là thức ăn mà còn gọi lên sự sum họp và mối liên hệ giữa những thành viên trong gia đình.

Khi được đặt trong bối cảnh tưởng niệm tổ tiên, *mâm cơm* có thêm một ý nghĩa văn hóa. Đó là bữa ăn được chuẩn bị để tưởng nhớ những người đã qua đời, thường gồm những món ăn truyền thống hoặc những món mà người quá cố từng yêu thích. Tùy theo phong tục từng địa phương, *mâm cơm* có thể được đặt trước bàn thờ gia tiên trong một thời gian nhất định, sau đó được dọn xuống để gia đình cùng dùng bữa.

Chính sự chuyển tiếp từ *mâm cơm tưởng niệm* sang *bữa ăn sum họp* đã làm nổi bật một đặc điểm của văn hóa giỗ chạp Việt Nam: tưởng nhớ người đã khuất cũng là dịp quy tụ những người còn sống. Trong bữa cơm ấy, hình ảnh ông bà, cha mẹ được nhắc lại qua những câu chuyện gia đình, những món ăn quen thuộc và những kỷ niệm được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

3.2. *Mâm cơm có phải là lễ vật không?*

Cần phân biệt *mâm cơm* với *lễ vật*, mặc dù trong thực tế hai khái niệm có thể liên hệ với nhau. *Mâm cơm* trước hết là một tập hợp thức ăn được chuẩn bị cho bữa ăn. Khi *mâm cơm* được đặt trước bàn thờ trong một nghi thức *tưởng niệm* hoặc *dâng cúng*, nó có thể trở thành *lễ vật* theo nghĩa rộng, tức là những phẩm vật được dành riêng để biểu lộ lòng thành kính.

Như vậy, **không phải mâm cơm nào cũng là lễ vật, và không phải lễ vật nào cũng là mâm cơm**. Một *mâm cơm* gia đình trong ngày thường không nhất thiết có ý nghĩa nghi lễ. Ngược lại, một bình hoa, đĩa trái cây hoặc chén nước được đặt trước bàn thờ tổ tiên cũng có thể được xem là phẩm vật tưởng niệm, dù không phải là *mâm cơm*.

Sự phân biệt này giúp tránh việc đồng nhất thức ăn với hành vi thờ phượng. Bản thân cơm, thức ăn hay trái cây không tự quyết định ý nghĩa tôn giáo của nghi thức. Ý nghĩa ấy được xác định bởi hoàn cảnh, đối tượng, lời nói và ý hướng của người thực hiện.

3.3. Mâm cơm ngày giỗ và ký ức gia đình

Trong truyền thống gia đình Việt Nam, ngày giỗ không chỉ là dịp tưởng nhớ người đã qua đời mà còn là dịp con cháu gặp gỡ, thăm hỏi và duy trì quan hệ họ hàng. *Mâm cơm ngày giỗ* vì thế có hai chiều kích gắn bó với nhau: tưởng niệm người đã khuất và nối kết những người đang sống.

Khi con cháu cùng nhau chuẩn bị mâm cơm, những câu chuyện về ông bà, cha mẹ thường được nhắc lại. Có khi một món ăn gợi nhớ nếp sống của người xưa, một cách nấu nướng gợi nhớ bàn tay người mẹ, hoặc một chỗ ngồi trong gia đình gợi nhớ sự hiện diện của người cha đã khuất. Qua những chi tiết bình dị ấy, ký ức gia đình được gìn giữ và truyền lại.

Đối với người Công giáo, *mâm cơm ngày giỗ* có thể được đón nhận trong chiều kích văn hóa này. Gia đình cùng cầu nguyện cho người đã qua đời, tạ ơn Thiên Chúa về những điều tốt đẹp đã nhận lãnh qua ông bà, cha mẹ, rồi cùng nhau dùng bữa trong tình thân ái. Ở đây, mâm cơm không phải là phương tiện để người sống cung cấp thức ăn cho người chết, nhưng là dấu chỉ của lòng biết ơn, sự tưởng nhớ và tình liên đới giữa các thế hệ.

4. LỄ VẬT LÀ GÌ?

4.1. Chiết tự hai chữ LỄ VẬT (禮物)

Lễ vật là một từ Hán Việt, tương ứng với hai chữ 禮物, gồm *lễ* (禮) và *vật* (物). Muốn hiểu đầy đủ ý nghĩa của từ này, cần xét riêng từng thành tố trước khi tìm hiểu ý nghĩa của cả từ trong đời sống văn hóa.

Chữ 禮 (lễ) có nghĩa là lễ nghi, phép tắc, sự kính trọng và những hình thức ứng xử phù hợp với quan hệ xã hội hoặc tôn giáo. Về cấu tạo, chữ 禮 thuộc loại chữ hình thanh, gồm bộ *thị* (示, ở dạng 礻) liên quan đến nghi lễ, tế tự và thành phần 豊 (lễ) giữ vai trò biểu âm trong quá trình hình thành chữ. Đáng chú ý, thành phần 豊 (lễ) trong văn tự cổ còn gắn với hình ảnh những vật phẩm được đặt trong đồ đựng dùng cho nghi

lễ. Vì vậy, khi xét về lịch sử văn tự, chữ 禮 (lễ) có mối liên hệ sâu xa với những hành vi nghi lễ và việc dâng phẩm vật.

Tuy nhiên, không nên chỉ dựa vào hình dạng chữ hiện nay để diễn giải rằng chữ 禮 (lễ) đơn thuần là việc đặt thức ăn lên bàn thờ. Qua quá trình phát triển của ngôn ngữ và văn hóa, chữ lễ đã mở rộng thành một khái niệm rất phong phú, bao gồm lễ nghi, lễ phép, đạo lý ứng xử, trật tự xã hội và những hình thức biểu lộ sự kính trọng.

Chữ 物 (vật) có nghĩa là đồ vật, sự vật hoặc những thứ hiện hữu có thể được nhận biết và sử dụng. Về cấu tạo, chữ 物 thuộc loại hình thanh, gồm bộ *ngưu* (牛) biểu ý và thành phần *vật* (勿) biểu âm. Trong quá trình phát triển ngữ nghĩa, chữ 物 (vật) được sử dụng với phạm vi rất rộng, không chỉ giới hạn ở những vật phẩm cụ thể mà còn chỉ sự vật nói chung.

Ghép lại, *lễ vật* (禮物) có nghĩa là những phẩm vật được chuẩn bị để dâng, biểu hoặc trao tặng trong một hoàn cảnh mang tính lễ nghi, nhằm biểu lộ sự kính trọng, lòng biết ơn, tình cảm hoặc sự thành tâm. Trong tiếng Hán hiện đại, *lễ vật* 禮物 thường được hiểu là quà tặng, cho thấy từ này không nhất thiết chỉ những vật phẩm dùng trong nghi thức tôn giáo..

4.2. Lễ vật trong phong tục thờ kính tổ tiên

Trong phong tục Việt Nam, *lễ vật* dùng để tưởng niệm tổ tiên có thể bao gồm hương, hoa, đèn nến, nước, trà, trái cây, bánh trái hoặc thức ăn. Số lượng và cách bày biện thay đổi theo điều kiện kinh tế, truyền thống gia đình và tập quán địa phương. Có gia đình chuẩn bị mâm cơm đầy đủ, có gia đình chỉ đặt một bình hoa và đĩa trái cây, nhưng trong cả hai trường hợp, phẩm vật đều có thể mang ý nghĩa biểu lộ lòng thành kính.

Giá trị của *lễ vật* không nhất thiết nằm ở sự đắt tiền hay cầu kỳ. Một đĩa trái cây, bình hoa hoặc chén nước được chuẩn bị với lòng kính trọng cũng có thể diễn tả tình cảm của con cháu đối với người đã khuất. Trong những hoàn cảnh như vậy, *lễ vật* trở thành phương tiện biểu lộ lòng biết ơn và sự tưởng nhớ, chứ không nhất thiết là vật phẩm được

dâng để người chết sử dụng.

Khi bàn đến ý nghĩa của *lễ vật* trong việc kính nhớ tổ tiên, có thể trở lại với lời dạy “祭則致其嚴” (*tế tắc trí kỳ nghiêm*) trong *Hiếu kinh*, thiên *Kỷ hiếu hành*. Chữ *nghiêm* (嚴) ở đây chỉ thái độ trang nghiêm, cung kính và cẩn trọng của người thực hiện việc tế tự. Lời dạy ấy không trực tiếp quy định phẩm vật phải gồm những gì, cũng không xác định giá trị của nghi lễ dựa trên số lượng hay sự quý giá của lễ phẩm, nhưng nhấn mạnh một yêu cầu đạo đức đối với người con khi thực hành nghi lễ kính nhớ cha mẹ. Từ đó, có thể nhận ra rằng trong truyền thống đạo hiếu, bên cạnh những phẩm vật được chuẩn bị, thái độ của người dâng tế cũng là một phương diện quan trọng cần được xem xét.

Điều này giúp soi sáng ý nghĩa văn hóa của việc dâng lễ vật tưởng niệm tổ tiên. Một bình hoa, đĩa trái cây hoặc mâm cơm không tự nó diễn tả đầy đủ nội dung của nghi thức, bởi phẩm vật còn gắn với lòng thành kính, kỷ ức gia đình và cách hiếu của người thực hiện. Tuy nhiên, việc nhấn mạnh thái độ cung kính không có nghĩa là mọi hình thức tế tự cổ truyền đều chỉ mang tính tưởng niệm, vì nội dung tín ngưỡng của từng nghi lễ vẫn cần được khảo sát trong hoàn cảnh lịch sử và văn hóa cụ thể.

Tuy nhiên, trong những hệ thống tín ngưỡng khác nhau, *lễ vật* còn có thể được hiểu như phương tiện để cầu xin sự phù hộ, tạ ơn thần linh hoặc thực hiện nghĩa vụ đối với các thế lực siêu nhiên. Vì thế, không thể xác định bản chất của *lễ vật* chỉ bằng cách quan sát những thứ được bày trên bàn thờ. Một đĩa trái cây đặt trước di ảnh người mẹ quá cố để tưởng nhớ công ơn sinh thành không mang cùng ý nghĩa với một *lễ vật* được dâng cho thần linh để cầu xin tài lộc. Hình thức bên ngoài có thể tương tự, nhưng nội dung của hành vi không nhất thiết giống nhau.

4.3. Lễ vật kính nhớ tổ tiên và lễ vật dâng lên Thiên Chúa

Trong thần học Công giáo, cần phân biệt việc dâng những phẩm vật để bày tỏ lòng hiếu kính với việc dâng lễ vật trong hành vi phụng tự. Khi người Công giáo đặt hoa, trái cây hoặc những phẩm vật thích hợp trước di ảnh tổ tiên, hành vi ấy có thể diễn tả sự tưởng nhớ, lòng biết ơn và

sự kính trọng. Những phẩm vật này không trở thành của lễ hiến tế theo nghĩa thần học chỉ vì được đặt tại nơi tưởng niệm.

Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo xác định rằng thờ phượng là hành vi căn bản của nhân đức thờ phượng, qua đó con người nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa và là Chúa của muôn loài (x. GLHTCG, số 2096–2097). Trong phụng vụ Thánh Thể, bánh và rượu được tiến dâng để trở thành Mình và Máu Đức Kitô; việc tiến dâng ấy gắn liền với hy tế duy nhất của Đức Kitô được hiện tại hóa trong Thánh lễ (x. GLHTCG, số 1350, 1362–1367).

Như vậy, *lễ vật* được đặt trước bàn thờ tổ tiên nhằm biểu lộ lòng hiếu kính không có cùng bản chất với *lễ vật* được tiến dâng trong phụng vụ Thánh Thể. Một bên thuộc **phạm vi tưởng niệm và đạo hiếu**, còn bên kia thuộc **hành vi phụng tự của Hội Thánh hướng về Thiên Chúa**. Sự khác biệt không chỉ nằm ở phẩm vật được sử dụng, mà trước hết ở đối tượng, mục đích và bản chất của hành vi.

Do đó, không thể đồng nhất việc đặt phẩm vật trước bàn thờ tổ tiên với việc dâng *lễ vật* trong Thánh lễ. Cùng một từ *lễ vật*, nhưng trong những hoàn cảnh khác nhau, nội dung và ý nghĩa thần học có thể hoàn toàn khác biệt.

5. CÚNG – CÚNG CƠM – MÂM CƠM – LỄ VẬT TRONG CÁC VĂN KIẾN CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM

5.1. Từ việc phân biệt nghi lễ dân sự và nghi lễ tôn giáo

Việc phân biệt giữa những cử chỉ tôn kính tổ tiên và hành vi thờ phượng có một lịch sử lâu dài trong đời sống Công giáo tại Việt Nam. *Huấn thị Plane Compertum Est* ngày 8.12.1939 của Bộ Truyền giáo đã mở ra một hướng tiếp cận mới đối với các nghi lễ truyền thống tại những quốc gia Á Đông. Theo đó, một số nghi lễ trước kia gắn với tín ngưỡng tôn giáo có thể, qua những biến đổi lịch sử và văn hóa, mang ý nghĩa dân sự, xã hội hoặc tưởng niệm. Vì vậy, cần xem xét ý nghĩa thực tế của nghi lễ thay vì chỉ căn cứ vào hình thức bên ngoài.

Tại Việt Nam, Thông cáo ngày 14.6.1965 và Quyết nghị ngày 14.11.1974 đã cụ thể hóa đường hướng ấy trong việc tôn kính tổ tiên. Đáng chú ý, Quyết nghị năm 1974 vẫn sử dụng cách nói cúng giỗ, đồng thời cho phép thực hành theo phong tục địa phương với điều kiện loại bỏ những yếu tố mê tín và điều chỉnh lễ vật cho phù hợp với ý nghĩa thành kính, biết ơn. Văn kiện nêu những phẩm vật như hoa trái, hương đèn làm ví dụ.

Chi tiết này có ý nghĩa quan trọng về mặt ngôn ngữ. Việc sử dụng chữ cúng giỗ trong một văn kiện Công giáo cho thấy bản thân chữ cúng không mặc nhiên đồng nghĩa với hành vi thờ phượng thần linh. Điều cần phân định là nội dung tín ngưỡng và ý nghĩa của hành vi được gọi bằng từ ấy. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với nguyên tắc của Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, theo đó việc thờ phượng chỉ dành riêng cho Thiên Chúa, trong khi lòng kính trọng và biết ơn tổ tiên thuộc bốn phận đạo đức của con người (x. GLHTCG, số 2112–2114, 2199).

5.2. Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên năm 2025

Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên, công bố ngày 7.10.2025, tiếp tục làm sáng tỏ sự phân biệt giữa hành vi hiếu kính và hành vi thờ phượng. Văn kiện nhìn nhận giá trị của truyền thống đạo hiếu Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh việc tiếp nhận các phong tục cần phù hợp với đức tin Công giáo.

Đặc biệt, văn kiện đề cập đến việc đặt mâm cơm trước bàn thờ người quá cố trong bối cảnh gia đình liên tôn. Theo hướng phân định này, việc dọn mâm cơm có thể được hiểu là cử chỉ hiếu thảo và tưởng nhớ, chứ không nhất thiết xuất phát từ niềm tin rằng người đã khuất thực sự trở về hưởng dùng thức ăn.

Đây là một xác định đáng chú ý, vì mâm cơm vốn là hình ảnh rất gần gũi với đời sống gia đình Việt Nam. Khi được hiểu như một biểu tượng tưởng niệm, mâm cơm có thể giúp con cháu bày tỏ lòng biết ơn và duy trì mối liên hệ giữa các thế hệ. Tuy nhiên, sự tiếp nhận ấy không có nghĩa là mọi quan niệm tín ngưỡng gắn với việc cúng cơm đều được

nhìn nhận như nhau. Những yếu tố liên quan đến việc nuôi dưỡng linh hồn bằng thức ăn hoặc cầu xin người chết ban phúc, giáng họa vẫn cần được phân biệt với giáo lý Công giáo.

Qua đó, có thể nhận ra một nguyên tắc xuyên suốt: Giáo hội không đồng nhất phẩm vật được bày trước bàn thờ tổ tiên với lễ vật thờ phượng, nhưng phân định ý nghĩa của hành vi dựa trên đức tin, lòng hiếu thảo và hoàn cảnh thực hiện.

5.3. Không nên đồng nhất từ ngữ văn hóa với nội dung tín ngưỡng

Từ những hướng dẫn trên, có thể nhận thấy rằng cúng, cúng cơm, mâm cơm và lễ vật là những từ ngữ có quan hệ gần gũi nhưng không hoàn toàn đồng nghĩa. Cúng chỉ một hành vi dâng hoặc bày phẩm vật trong một nghi thức; cúng cơm là một hình thức cụ thể của hành vi ấy, gắn với việc chuẩn bị cơm và thức ăn; mâm cơm là những món ăn được bày thành một bữa, có thể mang ý nghĩa tưởng niệm khi được đặt trong hoàn cảnh giỗ chạp; còn lễ vật là khái niệm rộng hơn, chỉ những phẩm vật được chuẩn bị để biểu lộ lòng thành kính trong những hoàn cảnh nghi lễ khác nhau.

Sự phân biệt này không nhằm xóa bỏ những từ ngữ quen thuộc của văn hóa Việt Nam, nhưng giúp sử dụng chúng chính xác hơn. Không nên chỉ vì một gia đình nói cúng giỗ mà kết luận họ đang thờ phượng người chết; cũng không thể chỉ vì một nghi thức được gọi là tưởng niệm mà bỏ qua những yếu tố tín ngưỡng có thể hiện diện trong nghi thức ấy. Ngôn ngữ cần được hiểu trong hoàn cảnh văn hóa của nó, còn hành vi tôn giáo cần được phân định theo nội dung thực tế.

Sự phân định này phù hợp với giáo huấn phổ quát của Hội Thánh. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* vừa xác nhận bốn phạm kính trọng và biết ơn tổ tiên (x. GLHTCG, số 2199), vừa nhấn mạnh rằng việc thờ phượng chỉ dành riêng cho Thiên Chúa (x. GLHTCG, số 2112–2114). Đồng thời, Hội Thánh khuyến khích các tín hữu cầu nguyện cho người đã qua đời trong niềm tin vào mầu nhiệm các thánh thông công (x. GLHTCG, số 958, 1032). Những giáo huấn ấy tạo nên nền tảng thần học để người

Công giáo vừa trung thành với đức tin, vừa gìn giữ những giá trị tốt đẹp của truyền thống đạo hiếu Việt Nam.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng Sách Giáo lý và Bộ Giáo luật không trực tiếp quy định mọi chi tiết của phong tục cúng cơm, dâng mâm cơm hay bày lễ vật trước bàn thờ gia tiên. Những trường hợp cụ thể ấy cần được xem xét dưới ánh sáng các nguyên tắc giáo lý chung, đồng thời tham chiếu những hướng dẫn mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Vì vậy, việc tiếp nhận các phong tục truyền thống không phải là sự chấp thuận không phân biệt mọi hình thức tín ngưỡng dân gian, nhưng là một quá trình nhận diện, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa phù hợp với đức tin Công giáo.

5.4. Nghi thức dâng lễ vật kính nhớ tổ tiên trong ngày mừng Hai Tết: Cần phân biệt lòng hiếu kính với lời mời thụ hưởng

Trong đời sống Công giáo tại Việt Nam, ngày mừng Hai Tết cổ truyền được dành để kính nhớ ông bà, cha mẹ và tổ tiên. Đây là một nét đẹp của việc hội nhập văn hóa, giúp người tín hữu sống điều răn thảo kính cha mẹ trong bầu khí thiêng liêng của những ngày đầu năm mới. Tại một số giáo xứ, trước Thánh lễ ngày mừng Hai Tết, cộng đoàn còn tổ chức nghi thức dâng bánh chưng, hoa trái và những phẩm vật truyền thống trước bàn thờ tổ tiên được thiết lập trong lòng nhà thờ. Những phẩm vật ấy có thể được hiểu như dấu chỉ của lòng biết ơn và sự tưởng nhớ, đồng thời diễn tả ước nguyện gìn giữ đạo hiếu của người Việt trong đời sống đức tin Công giáo.

Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là trong một vài nghi thức như thế, người ta sử dụng những bài văn khấn được vay mượn từ phong tục tế lễ ngoài xã hội, và đến cuối bài, người chủ sự hoặc cộng đoàn hô lớn: “Xin tổ tiên thương hưởng!” Cách diễn đạt này đặt ra một vấn đề cần được xem xét cẩn trọng, bởi ngôn ngữ nghi lễ không chỉ là phương tiện biểu đạt tình cảm mà còn có khả năng chuyển tải những quan niệm tín ngưỡng nhất định.

Hai chữ *thương hưởng* (尚享) vốn là một công thức quen thuộc trong

văn tế cổ truyền. Chữ *thượng* (尚) có những nghĩa như còn, chuộng, tôn trọng, mong hoặc xin; còn chữ *hưởng* (享) có nghĩa là hưởng, nhận lấy, đặc biệt được sử dụng trong ngữ cảnh tiếp nhận phẩm vật tế lễ. Khi kết hợp thành *thượng hưởng* (尚享), hai chữ này thường xuất hiện ở cuối bài văn tế như một lời kính cẩn thỉnh mời đối tượng được tế lễ tiếp nhận lễ phẩm và lòng thành của người dâng tế. Có thể diễn đạt ý nghĩa của công thức ấy là: Kính mong ngài nhận hưởng lễ vật này, hoặc theo lối nói gần gũi hơn: Xin về mà nhận lấy lễ vật. Tuy nhiên, cách diễn đạt thứ hai chỉ là lời diễn nghĩa theo văn cảnh, vì bản thân hai chữ 尚享 không chứa trực tiếp ý nghĩa “trở về”.

Trong truyền thống văn tế, công thức *thượng hưởng* không đơn thuần là một lời chào kết thúc mà gắn với quan hệ giữa người dâng tế và đối tượng được tế lễ. Khi đọc lời ấy, người chủ tế bày tỏ lòng thành và kính mời đối tượng được tưởng niệm hoặc tế tự tiếp nhận sự dâng hiến. Vì vậy, nếu đặt công thức này trong một nghi thức có bánh chưng, hoa trái và những phẩm vật được bày trước bàn thờ tổ tiên, người tham dự rất dễ hiểu rằng tổ tiên đang được mời về thụ hưởng những phẩm vật ấy.

Chính ở điểm này nảy sinh vấn đề về mặt tín lý Công giáo. Theo giáo huấn của Hội Thánh, người đã qua đời không còn cần thức ăn vật chất như khi còn sống. Mỗi liên hệ giữa người sống và người chết được diễn tả trước hết qua lời cầu nguyện, việc dâng Thánh lễ và niềm tin vào mầu nhiệm các thánh thông công. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* dạy rằng Hội Thánh tưởng nhớ và cầu nguyện cho những người đã qua đời, đặc biệt bằng hy tế Thánh Thể (x. GLHTCG, số 958, 1032). Vì thế, nếu lời “*Xin tổ tiên thượng hưởng!*” được hiểu là mời linh hồn ông bà, cha mẹ trở về tiếp nhận và hưởng dùng bánh chưng, hoa trái, thì nội dung ấy không phù hợp với cách hiểu của đức tin Công giáo về tình trạng của người đã qua đời.

Dĩ nhiên, cũng cần nhìn nhận rằng trong văn chương tế lễ truyền thống, chữ *hưởng* không nhất thiết luôn được hiểu theo nghĩa ăn uống vật chất. Việc *thượng hưởng* còn có thể mang ý nghĩa tượng trưng là xin

tiếp nhận lòng thành của người dâng tế. Tuy nhiên, chính vì công thức này có nguồn gốc và sắc thái nghi lễ gắn với việc thỉnh mời đối tượng tế tự tiếp nhận lễ phẩm, nên khi đưa vào một nghi thức Công giáo, nhất là nghi thức được tổ chức trong nhà thờ, nó có thể gây ra sự lẫn lộn giữa việc tưởng nhớ tổ tiên và việc dâng cúng theo quan niệm tín ngưỡng dân gian.

Đặt trong tương quan với truyền thống đạo hiếu Nho gia, vấn đề này càng cần được phân định cẩn trọng. *Hiếu kinh*, thiên *Tang thân*, viết: “春秋祭祀，以時思之” (*Xuân thu tế tự, dĩ thời tư chi*), nhấn mạnh việc tưởng nhớ cha mẹ qua những kỳ tế tự. Cũng trong thiên này, sách viết: “生事愛敬，死事哀戚，生民之本盡矣，死生之義備矣，孝子之事親終矣” (*Sinh sự ái kính, tử sự ai thích, sinh dân chi bản tận hĩ, tử sinh chi nghĩa bị hĩ, hiếu tử chi sự thân chung hĩ*), nghĩa là: Khi cha mẹ còn sống thì phụng sự bằng lòng yêu thương và kính trọng, khi cha mẹ qua đời thì phụng sự bằng lòng thương tiếc; như thế là đã thực hiện trọn vẹn đạo lý căn bản của con người, chu toàn nghĩa vụ đối với sự sống và cái chết, và hoàn tất bốn phận của người con có hiếu đối với cha mẹ.

Những lời dạy ấy cho thấy việc tế tự trong *Hiếu kinh* gắn bó với đạo lý phụng sự cha mẹ và lòng tưởng nhớ người đã khuất. Tuy nhiên, từ đó không thể suy ra rằng mọi công thức văn tế cổ truyền, kể cả lời “thượng hưởng” (尚享), đều chỉ có ý nghĩa tưởng niệm và không mang nội dung tín ngưỡng nào khác. *Hiếu kinh* không trực tiếp giải thích công thức “thượng hưởng”, cũng không đưa ra một tiêu chuẩn thần học để phân biệt việc tôn kính tổ tiên với hành vi thờ phượng. Bởi vậy, khi tiếp nhận những công thức văn tế vào nghi thức Công giáo, cần đồng thời tôn trọng ý nghĩa đạo hiếu trong truyền thống văn hóa và xem xét nội dung lời khấn dưới ánh sáng giáo huấn của Hội Thánh.

Sự phân biệt ấy càng cần được chú ý khi nghi thức được cử hành ngay trước Thánh lễ. Trong phụng vụ Công giáo, việc thờ phượng được quy hướng về Thiên Chúa, còn việc tôn kính tổ tiên thuộc phạm vi đạo hiếu và tưởng niệm. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* xác nhận bốn phận

kính trọng, yêu mến và biết ơn tổ tiên (x. GLHTCG, số 2199), đồng thời khẳng định việc thờ phượng chỉ dành riêng cho Thiên Chúa (x. GLHTCG, số 2096–2097, 2112–2114). Vì vậy, việc dâng những phẩm vật tượng trưng trước bàn thờ tổ tiên không nên đi kèm với những lời khấn có thể khiến cộng đoàn hiểu rằng tổ tiên đang được mời đến để tiếp nhận lễ vật như một đối tượng tế tự.

Bên cạnh nội dung tín lý, việc tổ chức những nghi thức như thế trong nhà thờ còn cần được xem xét về phương diện phụng vụ. *Bộ Giáo luật 1983*, điều 1210, quy định rằng trong nơi thánh chỉ được chấp nhận những gì phục vụ hoặc cổ võ việc thờ phượng, lòng đạo đức và đời sống tôn giáo, đồng thời trao cho Đấng Bản quyền địa phương thẩm quyền cho phép những việc sử dụng khác trong từng trường hợp, miễn là không trái với tính thánh thiêng của nơi ấy. Vì vậy, việc tổ chức nghi thức kính nhớ tổ tiên trong nhà thờ cần được thực hiện theo những hướng dẫn phụng vụ và mục vụ có thẩm quyền, chứ không nên tùy tiện đưa nguyên văn những bài khấn thuộc các truyền thống tế lễ khác vào nghi thức Công giáo.

Điều cần điều chỉnh ở đây không nhất thiết là việc dâng bánh chưng, hoa trái hay những phẩm vật truyền thống, bởi những thứ ấy vẫn có thể mang ý nghĩa văn hóa tốt đẹp. Vấn đề chính là nội dung lời khấn và cách diễn tả ý nghĩa của hành vi. Thay vì kết thúc bằng lời *“Xin tổ tiên thương hưởng!”*, có thể sử dụng những cách diễn đạt phù hợp hơn với đức tin Công giáo, chẳng hạn: *“Xin Thiên Chúa thương đón nhận lòng hiếu kính và biết ơn của chúng con đối với ông bà, cha mẹ và tổ tiên; xin ban cho những người đã qua đời được hưởng ánh sáng và bình an trong Nước Chúa.”* Lời nguyện như thế vừa giữ được tinh thần tưởng nhớ nguồn cội, vừa xác định rõ đối tượng của lời cầu xin là Thiên Chúa, chứ không phải người đã khuất được mời về hưởng dùng phẩm vật.

Từ trường hợp này, có thể nhận ra rằng việc hội nhập văn hóa không chỉ là giữ lại những hình thức bên ngoài của phong tục truyền thống, mà còn đòi hỏi sự phân định và điều chỉnh ngôn ngữ nghi lễ. Một chiếc

bánh chưng, một đĩa trái cây hay một bình hoa có thể trở thành biểu tượng đẹp của lòng hiếu kính, nhưng lời khấn đi kèm phải diễn tả đúng ý nghĩa mà người Công giáo muốn gửi gắm. Bởi vậy, khi tiếp nhận những công thức văn tế cổ truyền, cần hiểu rõ nguồn gốc, nội dung và sắc thái tín ngưỡng của chúng, tránh việc sử dụng theo thói quen mà vô tình chuyển tải những quan niệm không phù hợp với giáo lý Hội Thánh.

Tôn kính tổ tiên là một bốn phận đạo hiếu, nhưng tôn kính không đồng nghĩa với thờ phượng; dâng phẩm vật tưởng niệm là một cử chỉ văn hóa, nhưng không đồng nghĩa với việc mời người đã khuất trở về thụ hưởng. Chính sự phân biệt ấy giúp những nghi thức kính nhớ tổ tiên trong đời sống Công giáo vừa giữ được vẻ đẹp của truyền thống dân tộc, vừa diễn tả trung thực đức tin của Hội Thánh.

KẾT LUẬN

Từ *cúng* đến *cúng cơm*, từ *mâm cơm* đến *lễ vật*, mỗi cách gọi đều phản ánh một phương diện trong đời sống văn hóa và tín ngưỡng của người Việt. Cúng chỉ một hành vi có thể mang nhiều ý nghĩa tùy theo đối tượng và ý hướng; cúng cơm gắn với tập tục chuẩn bị thức ăn để tưởng nhớ người đã khuất; mâm cơm vừa là hình ảnh của bữa ăn gia đình vừa có thể trở thành biểu tượng tưởng niệm; còn lễ vật là những phẩm vật được chuẩn bị để biểu lộ lòng thành kính trong những hoàn cảnh nghi lễ khác nhau.

Việc khảo cứu chữ 供 (cung) giúp soi sáng thêm một lớp ý nghĩa đáng chú ý. Với bộ *nhân đứng* (亻) biểu ý và thành phần 共 biểu âm, đồng thời có khả năng gọi đến hành vi dâng vật, chữ 供 cho thấy sự gần gũi giữa việc cung ứng, dâng hiến và cung phụng. Tuy nhiên, từ việc dâng hiến đến hành vi thờ phượng vẫn có một khoảng cách về ý nghĩa, bởi bản thân hành động trao hoặc dâng một phẩm vật chưa đủ để xác định đối tượng được dâng là thần linh hay người được kính trọng. Chính vì vậy, không thể chỉ căn cứ vào hình thức dâng cúng mà kết luận về bản chất tôn giáo của hành vi.

Trong truyền thống Việt Nam, việc cúng cơm và dâng lễ vật từng gắn với

nhiều quan niệm khác nhau về mối liên hệ giữa người sống và người chết. Có những thực hành mang nội dung tín ngưỡng về sự thụ hưởng của linh hồn, nhưng cũng có những cử chỉ được thực hiện như một cách tưởng nhớ, biết ơn và duy trì tình cảm gia đình. Việc giải thích cần tôn trọng sự đa dạng ấy, đồng thời phân biệt rõ những nội dung tín ngưỡng khác nhau.

Truyền thống đạo hiếu ấy còn được ghi nhận trong Hiếu kinh, một trong những văn bản quan trọng của Nho gia về bốn phận của con cái đối với cha mẹ. Khi dạy rằng “祭則致其嚴” (*tế tắc trí kỳ nghiêm*), sách nhấn mạnh thái độ trang nghiêm của người con trong việc tế tự; khi viết “春秋祭祀，以時思之” (*xuân thu tế tự, dĩ thời tư chi*), sách đặt việc tế tự trong mối liên hệ với sự tưởng nhớ cha mẹ theo những thời điểm nhất định. Những lời dạy ấy giúp nhận ra chiều kích đạo đức và tưởng niệm của việc kính nhớ tổ tiên trong văn hóa truyền thống, đồng thời cho thấy việc khảo cứu phong tục dâng cúng cần quan tâm không chỉ đến phẩm vật và hình thức nghi lễ, mà còn đến lòng hiếu kính và ý hướng của người thực hiện.

Đối với người Công giáo, việc kính nhớ tổ tiên bắt nguồn từ bốn phận thảo kính cha mẹ và lòng biết ơn đối với các thể hệ đi trước. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* không những xác nhận bốn phận ấy khi giải thích điều răn thứ tư (x. GLHTCG, số 2199), mà còn nhấn mạnh giá trị của lời cầu nguyện dành cho người đã qua đời (x. GLHTCG, số 958, 1032). Trong ánh sáng giáo huấn ấy, những phẩm vật tưởng niệm, mâm cơm ngày giỗ hay những cử chỉ cung kính có thể được đón nhận trong ý nghĩa văn hóa và đạo hiếu, miễn là không bị đồng nhất với việc thờ phượng hoặc với niềm tin rằng người đã khuất cần được nuôi dưỡng bằng thức ăn vật chất.

Trường hợp sử dụng công thức “*Xin tổ tiên thượng hưởng!*” trong nghi thức dâng bánh chưng, hoa trái trước Thánh lễ ngày mừng Hai Tết cho thấy sự cần thiết của việc phân định ngôn ngữ nghi lễ. Hai chữ *thượng hưởng* (尚享) vốn mang ý nghĩa kính mời đối tượng được tế lễ tiếp

nhận lễ phẩm và lòng thành của người dâng tế. Dù có thể được hiểu theo nghĩa tượng trưng, công thức này vẫn dễ gợi lên quan niệm mời tổ tiên trở về thụ hưởng phẩm vật. Vì vậy, khi đưa vào một nghi thức Công giáo, việc sử dụng công thức ấy cần được cân nhắc và điều chỉnh để tránh gây hiểu lầm về tín lý.

Đường hướng ấy cũng được thể hiện qua các văn kiện của Giáo hội Công giáo Việt Nam, từ Thông cáo năm 1965, Quyết nghị năm 1974 đến *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* năm 2025. Những văn kiện này góp phần làm sáng tỏ cách tiếp nhận các phong tục truyền thống, vừa tôn trọng những giá trị văn hóa của dân tộc, vừa xác định những nguyên tắc cần thiết để bảo vệ sự tinh tuyền của đức tin.

Sau cùng, điều làm nên ý nghĩa của một mâm cơm ngày giỗ không phải là sự đầy đủ của thức ăn, cũng không phải sự cầu kỳ của lễ vật, mà là lòng biết ơn và tình yêu thương được gìn giữ qua các thế hệ. Người đã khuất không còn hiện diện để cùng con cháu dùng bữa như thuở trước, nhưng ký ức về họ vẫn có thể quy tụ gia đình, nhắc nhở người sống về nguồn cội và trách nhiệm tiếp nối những điều tốt đẹp đã được trao truyền. Đối với người Công giáo, ký ức ấy còn được nâng đỡ bởi lời cầu nguyện và niềm hy vọng rằng những người đã ra đi vẫn được phó thác trong tình thương của Thiên Chúa.

Bởi vậy, cũng như thờ tổ tiên không đồng nghĩa với thờ phượng tổ tiên, việc cúng cơm hay dâng lễ vật để tưởng nhớ tổ tiên không mặc nhiên là hành vi thờ phượng người đã khuất. Điều quyết định là ý nghĩa thực sự của hành vi, được soi sáng bởi truyền thống đạo giáo, hoàn cảnh văn hóa và niềm tin của người thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Truyền giáo, *Huấn thị Plane Compertum Est*, ngày 8.12.1939.
2. Hội đồng Giám mục Việt Nam (miền Nam), *Thông cáo về việc tôn kính tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ*, ngày 14.6.1965.
3. Hội đồng Giám mục Việt Nam (miền Nam), *Quyết nghị về lễ nghi tôn kính ông bà tổ tiên*, Nha Trang, ngày 14.11.1974.
4. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên, bản áp dụng thử nghiệm năm 2019*.
5. Ủy ban Văn hóa và Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*, Đà Lạt, ngày 7.10.2025, đặc biệt các số 15, 20, 24 và 25.
6. Hội Thánh Công giáo, *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, các số 958, 1032, 1350, 1362–1367, 2096–2097, 2112–2114, 2132 và 2199.
7. Giáo hội Công giáo, *Bộ Giáo luật*, 1983, các điều 1176 §2 và 1210.
8. Nguyễn Hạnh, *Từ Hiếu Kinh đến Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb. Đồng Nai, 2024, đặc biệt chương 10, thiên “Kỷ hiếu hành” (紀孝行章第十), và chương 18, thiên “Tang thân” (喪親章第十八).